

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 244/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Nguyễn Phước Quý V, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 50 P, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

2. Chị Hà Thanh Huyền T, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 50 P, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Số 39 Đoàn Th, phường Thuận Thành, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phước Quý V và chị Hà Thanh Huyền T kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 06 tháng, được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế vào ngày 19/7/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là vì bất đồng quan điểm sống, không còn tìm thấy tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, đã sống ly thân nhau từ 02 tháng nay. Hiện nay, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh V và chị T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Phước Quý V và chị Hà Thanh Huyền T xác nhận có 02 con chung tên là: Nguyễn Phước Định Khánh L, sinh ngày 22/6/2008 và

Nguyễn Phước Định Đ, sinh ngày 29/7/2010. Nguyễn vọng của cháu L và cháu Đ đều muốn ở với anh V đến tuổi trưởng thành.

Anh V và chị T thỏa thuận: Giao cả 02 cháu Nguyễn Phước Định Khánh L, sinh ngày 22/6/2008 và Nguyễn Phước Định Đ, sinh ngày 29/7/2010 cho anh Nguyễn Phước Quý V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị Hà Thanh Huyền T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi con 1.000.000 đồng/tháng (2.000.000 đồng/2 con/1 tháng), thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi 02 con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh V và chị T tự nguyện thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con của anh, chị.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Phước Quý V và chị Hà Thanh Huyền T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Phước Quý V và chị Hà Thanh Huyền T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Phước Quý V và chị Hà Thanh Huyền T

- Về con chung: Giao cả 02 con Nguyễn Phước Định Khánh L sinh ngày 22/6/2008 và Nguyễn Phước Định Đ, sinh ngày 29/7/2010 cho anh Nguyễn Phước Quý V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị Hà Thanh Huyền T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi con 1.000.000 đồng/tháng (2.000.000 đồng/2 con/1 tháng), thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi 02 con trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Phước Quý V và Hà Thanh Huyền T không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Phước Quý V và chị Hà Thanh Huyền T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng

lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/007959 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- UBND P Vĩnh Ninh, Huế
(ĐKKH ngày 19/7/2006);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh